

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2013/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 08 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Danh mục, chương trình khung và mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề, dạy nghề dưới 03 tháng tại các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2010 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 128/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2012 của liên Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH, ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNNPTNT-BCT-BTTTT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 444/TTr-LĐTBXH-TC ngày 01 tháng 4 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung thêm Danh mục 13 nghề, chương trình khung và mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới ba (03) tháng tại các cơ sở nghề, cơ sở khác

có tham gia dạy nghề để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Trị (có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Đối với những nghề được chọn làm mô hình dạy nghề, chi phí đào tạo cho các lớp nghề được tính thêm phần chi phí xây dựng, kiểm tra, giám sát, tổng kết đánh giá thực hiện mô hình thí điểm nhưng không quá 05% tổng kinh phí thực hiện mô hình.

Điều 3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, địa phương liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chính

DANH MỤC
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG VÀ MỨC CHI ĐÀO TẠO NGHỀ
TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 03 THÁNG ĐỂ ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên nghề đào tạo	Số học sinh/ lớp học (người)	Thời gian đào tạo (tháng)	Tổng số tiết giảng dạy/ khóa học	Trong đó			Mức kinh phí hỗ trợ tối đa (đồng/hs/khóa)
					Lý thuyết (tiết)	Thực hành (giờ)	Hoạt động đánh giá (giờ)	
1	Kỹ thuật đan lưới dính chì	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
2	Thêu ren	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
3	Kỹ thuật sản xuất nón lá	22 - 35	2	264	55	194	15	1.200.000
4	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	22 - 35	3	387	100	267	20	1.800.000
5	Kỹ thuật sản xuất lúa giống	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
6	Kỹ thuật khai thác nhựa thông	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
7	Kỹ thuật nhân giống cây lâm nghiệp: trà/bạch đàn....	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
8	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
9	Kỹ thuật nuôi lợn bản/Vân Pa	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
10	Kỹ thuật nuôi giun quế kết hợp chăn nuôi gà/vịt/cá	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
11	Kỹ thuật trồng/chăm sóc/thu hoạch cây chuối	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
12	Kỹ thuật nuôi tôm	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
13	Kỹ thuật trồng rừng	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000